TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 206/2022/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 02 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Trần Đình V, sinh năm 1995 và bà Hứa Thị Như H, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: Số 80 đường V, tổ 91, phường Q, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Đình V và bà Hứa Thị Như H kết hôn với nhau vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa H, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi (số 73/2019 ngày 03/9/2019). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại số 80 đường V, tổ 91, phường Q, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, không đồng cảm trong công việc và hay cải vã. Ông V và bà H sống không hạnh phúc và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông V và bà H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đình V và bà Hứa Thị Như H là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông V và bà H xác nhận có một con chung tên Trần Thanh Q, sinh ngày 18/11/2019. Ly hôn, ông V và bà H thỏa thuận: Bà Hứa Thị Như H nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thanh Q, sinh ngày 18/11/2019 và ông Trần Đình V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 5 hàng tháng, kể từ tháng 12 năm 2022.

Ông V và bà H tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông V và bà H xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết

[4] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông V và bà H mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn lập ngày 26 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đình V và bà Hứa Thị Như H *(Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2019, do Uỷ ban nhân dân xã Nghĩa H, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông V và bà H ngày 03/9/2019 không còn giá trị pháp lý).*

- Về con chung: Bà Hứa Thị Như H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thanh Q, sinh ngày 18/11/2019. Ông Trần Đình V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, kể từ tháng 12 năm 2022.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Trần Đình V và bà Hứa Thị Như H mỗi người phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Trần Đình V và bà Hứa Thị Như H đã nộp tại biên lai thu số 0006477 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Vủ và bà Hiếu đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Sơn Trà;*
- *Chi cục THADS quận Sơn Trà;*
- *UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Vũ